TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 10 - 2019
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng.

2. Bà Lê Kim Thủy.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Lê Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Wu Cheng Y, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 107, lộ Văn Hóa Ngũ, khóm 021, phường Đại Hoa, khu Quy Sơn, thành phố Đào Viên, Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Chúc L trình bày: Do mai mối, chị và ông Wu Cheng Y tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và được cấp giấy đăng ký kết hôn số 200 ngày 13/7/2015. Sau khi kết hôn thì chị theo chồng về Đài Loan sinh sống. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm, tập quán sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân không đạt được nên tháng 5/2017 chị trở về Việt Nam. Từ khi về Việt Nam đến

nay chị đã nhiều lần liên lạc với chồng chị nhưng không được, ông Wu Cheng Y cũng không sang Việt Nam để tìm chị. Nay chị yêu cầu được ly hôn với ông Wu Cheng Y. Về con chung, tài sản chung, nợ chung Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trính giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp lãnh thổ Đài Loan để tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Wu Cheng Y, nhưng ông Wu Cheng Y không đến Tòa án, cũng như không gửi các tài liệu, chứng cứ và văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Chị L cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Chúc L; về con chung, tài sản chung và nợ chung, do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn Nguyễn Thị Chúc L, có địa chỉ cư trú tại ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang khởi kiện xin ly hôn với ông Wu Cheng Y là người có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, ông Wu Cheng Y đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Wu Cheng Y.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Chúc L và ông Wu Cheng Y chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Chúc L và ông Wu Cheng Y là hợp pháp, được pháp luật Việt Nam thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L cho rằng thời gian chung sống có nhiều bất đồng về quan điểm và tập quán, lối sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị L về Việt Nam từ tháng 5/2017. Từ khi chị L về Việt Nam đến nay, cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Wu Cheng Y đã được Toa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Wu Cheng Y không liên hệ với Tòa án hoặc gửi các tài liệu, chứng cứ, văn bản nêu

ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị L cho Tòa án. Qua đó cho thấy ông Wu Cheng Y không còn muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Chúc L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Chúc L phải chịu án phí theo quy định.

[6] Về lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì chị L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 37, Điều 147, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 470, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Chúc L

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Chúc L được ly hôn với ông Wu Cheng Y.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Chúc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Chúc L đã nộp theo biên lai thu số 0020024 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí (Chị L đã nộp xong).

Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị Chúc L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Chị L đã nộp xong theo biên lai thu số 0009010 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hậu Giang;*
- *Cục THADS tỉnh Hậu Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Hồng Thanh